|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****GIẢI THÍCH ĐỀ SỐ 9**(Đề thi có … trang) | **KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2022****Bài thi: NGOẠI NGỮ; Môn thi: TIẾNG ANH**Thời gian làm bài: 60 phút, không kể thời gian phát đề |

**Họ, tên thí sinh:**

**Số báo danh:**

**GIẢI CHI TIẾT ĐỀ 9**

**Question 1:**

Kiến thức về từ loại

Ta cần điền một tính từ đứng trước danh từ “performance” → loại đáp án B, C

Ta có:

Impressed (a): bị ấn tượng

Impressive (a): gây ấn tượng mạnh mẽ

Xét về nghĩa “impressive” phù hợp

**Tạm dịch**: James hoàn toàn bị cuốn hút vào màn trình diễn ấn tượng của cô tại lễ hội được tổ chức hàng năm.

→ **Chọn đáp án** D

**Question 2:**

Kiến thức về câu hỏi đuôi

Mệnh đề chính ở dạng phủ định nên câu hỏi đuôi ở dạng khẳng định → loại đáp án B, D

Chủ ngữ ở mệnh đề chính là “solving this crisis” chủ ngữ câu hỏi đuôi là it.

**Tạm dịch**: Giải quyết cuộc khủng hoảng này không phải là vấn đề của chính trị, phải không?

→ **Chọn đáp án** A

**Question 3:**

Kiến thức về thành ngữ

Ta có cụm: In the firing line: bị chỉ trích, đổ tội, tấn công

**Tạm dịch**: Người đứng đầu Bộ phận Nhân sự nhận thấy mình đang trong tình trạng bị chỉ trích vì những đợt cắt giảm việc làm gần đây.

→ **Chọn đáp án** B

**Question 4:**

Kiến thức về giới từ

Ta có cụm: Concentrate on: tập trung vào cái gì

**Tạm dịch**: Bố đang tập trung lái xe và không thể thưởng thức phong cảnh.

→ **Chọn đáp án** B

**Question 5:**

Kiến thức về từ vựng

A. infringe (v): vi phạm, xâm phạm

B. imprint A on/in B (v): có tác động đến nỗi không thể quên, thay đổi được

C. impinge on sb/sth (v): tác động, ảnh hưởng

D. indulge (v): nuông chiều, say mê

Ta có cụm: impinge on sb/sth: tác động, ảnh hưởng lên cái gì

Ta không chọn B vì imprint sth on sb/sth, ở đây không có 1 tân ngữ sau động từ cần điền, nên ta loại đáp án này.

**Tạm dịch**: Các phương tiện truyền thông ngày nay thường bị buộc tội ảnh hưởng quyền riêng tư của mọi người.

→ **Chọn đáp án** C

**Question 6:**

Kiến thức về liên từ

A. because + clause: bởi vì

B. though + clause: mặc dù

C. despite + N/V-ing: mặc dù

D. because of + N/V-ing: bởi vì

Sau từ cần điền là một mệnh đề nên loại đáp án C, D

Xét về nghĩa ta thấy đáp án A phù hợp

**Tạm dịch**: Sức khỏe của cô giảm sút nhanh chóng vì cô hút thuốc 10 lần một ngày.

→ **Chọn đáp án** A

**Question 7:**

Kiến thức về trật tự tính từ

Ta có quy tắc về tính từ:

Opinion – Size – Age – Shape – Color – Origin – Material – Purpose

Large – size

Rectangular – shape

Brown – color

**Tạm dịch**: Để ngăn tiếng ồn phát ra từ công trường gần đó, bố tôi quyết định lắp một cánh cửa lớn hình chữ nhật màu nâu.

→ **Chọn đáp án** C

**Question 8:**

Kiến thức về cụm động từ

A. take up: chiếm, bắt đầu một sở thích, thói quen

B. run through: tập dượt

C. come up: tới gần, đến gần

D. put on: tổ chức hoạt động

Xét về nghĩa ta chọn đáp án D

**Tạm dịch**: Hội đồng địa phương đã quyết định tổ chức một buổi hòa nhạc để quyên góp tiền cho các tổ chức từ thiện về bệnh ung thư.

→ **Chọn đáp án** D

**Question 9:**

**Kiến thức:** Thì quá khứ hoàn thành tiếp diễn

**Giải thích:**

Dấu hiệu: “for 10 years” (khoảng 10 năm) và động từ ở mệnh đề chỉ thời gian chia ở quá khứ đơn => động từ cần điền ở thì quá khứ hoàn thành/hoàn thành tiếp diễn

Thì quá khứ hoàn thành tiếp diễn dùng để diễn tả 1 hành động được xảy ra kéo dài liên tục trước 1 hành động khác trong quá khứ.

Công thức: S + had been + Ving.

**Tạm dịch:** Khi ông chủ sa thải anh ta, anh ta đã làm việc ở đó được 10 năm.

→ **Chọn đáp án** C

**Question 10:**

Kiến thức về mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian

Mệnh đề chính ở thì tương lai đơn (won't let him go out) → mệnh đề chỉ thời gian ở thì hiện tại đơn/ hiện tại hoàn thành.

Loại A vì chia quá khứ hoàn thành

Loại D vì mệnh đề thời gian không chia tương lai

Loại C vì không hợp nghĩa

**Tạm dịch**: Mẹ của Bill sẽ không để cậu ấy xem chương trình yêu thích của mình cho đến khi cậu ấy hoàn thành công việc nhà.

→ **Chọn đáp án** B

**Question 11:**

Kiến thức về cụm từ cố định

Ta có cụm: Take measures: áp dụng biện pháp, thực hiện biện pháp

**Tạm dịch**: Chính phủ đã thực hiện các biện pháp cứng rắn để ngăn chặn nạn tham nhũng trong nước.

\*\*\* Lưu ý từ vựng: stamp out = curb

→ **Chọn đáp án** C

**Question 12:**

**Kiến thức:** Thành ngữ

eat like a horse: ăn rất nhiều

eat like a bird: ăn rất ít

“feeling unwell” (cảm thấy không khỏe) => ăn ít

**Tạm dịch:** Em gái tôi đang cảm thấy không khỏe. Đó là lý do tại sao hôm nay em ấy ăn rất ít.

→ **Chọn đáp án** C

**Question 13:**

Kiến thức về chia động từ

Căn cứ vào cụm “which took place in 1999” là thời gian trong quá khứ nên động từ chia ở thì quá khứ.

Căn cứ vào nghĩa của câu nên động từ chia ở dạng bị động

Tạm động: Bộ phim mới ra mắt dựa trên một vụ án có thật xảy ra vào năm 1999.

→ **Chọn đáp án** D

**Question 14:**

**Kiến thức:** Rút gọn mệnh đề trạng ngữ

**Giải thích:**

Khi mệnh đề trạng ngữ và mệnh đề chính có cùng một chủ ngữ, có thể lược bỏ chủ ngữ ở mệnh đề trạng ngữ và đưa động từ về dạng V\_ing khi mệnh đề ở dạng chủ động

Để nhấn mạnh hành động ở mệnh đề trạng ngữ xảy ra trước hành động ở mệnh đề chính ta dùng dạng: having + P2.

Câu đầy đủ: I **had attained** the promotion; I began to search for other goals.

Câu rút gọn: **Having attained** the promotion, I began to search for other goals.

**Tạm dịch:** Sau khi đạt được sự thăng tiến, tôi bắt đầu tìm kiếm các mục tiêu khác.

**Chọn A.**

→ **Chọn đáp án** A

Kiến thức về so sánh

Ta có cấu trúc so sánh càng…càng:

The + so sánh hơn + S + V, the + so sánh hơn + S + V

“knowledgeable” là tính từ dài nên ta thêm more đằng trước

**Tạm dịch**: Bạn càng đọc nhiều sách, bạn càng trở nên hiểu biết hơn.

→ **Chọn đáp án** A

**Question 16:**

Kiến thức về giao tiếp

Dan đang nói chuyện với Jack, hàng xóm của anh ấy.

Dan: “\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_”

Jack: "Tôi chỉ muốn ở trong phòng điều hòa của mình cả ngày."

A. Bạn sử dụng phòng của mình như thế nào?

B. Có gì trong phòng của bạn không?

C. Bên ngoài trời nóng như thiêu như đốt nhỉ?

D. Tôi cũng vậy.

→ **Chọn đáp án** C

**Question 17:**

Kiến thức về giao tiếp

Hai học sinh, Anna và Linda, đang nói về hành vi bắt nạt trên mạng.

Anna: “Tôi tin rằng trẻ em nên được cung cấp hướng dẫn về cách đối phó với bắt nạt trên mạng”.

Linda: “\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_. Điều này có thể giúp họ có những trải nghiệm thú vị hơn trên Internet ”.

A. Không nghi ngờ gì nữa.

B. Xin lỗi, nhưng bạn nói đúng.

C. Tôi không nghĩ bạn nói đúng.

D. Trên thực tế, tôi khá đồng ý (Sai ở anymore)

→ **Chọn đáp án** A

**Question 18:**

Kiến thức về trọng âm

 A. overlook /ˌoʊ.vɚˈlʊk/ B. imitate /ˈɪm.ə.teɪt/

 C. beautify /ˈbjuː.t̬ə.faɪ/ D. mechanise /ˈmek.ə.naɪz/

Đáp án A trọng âm rơi vào âm tiết thứ ba, các đáp án còn lại trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất

→ **Chọn đáp án** A

**Question 19:**

Kiến thức về trọng âm

 A. effect /ɪˈfekt/ B. moment /ˈmoʊ.mənt/

 C. country /ˈkʌn.tri/ D. factor /ˈfæk.tɚ/

Đáp án A trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai, các đáp án còn lại trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất

→ **Chọn đáp án** A

**Question 20:**

Kiến thức về phát âm ed

 A. attained /əˈteɪnd/ B. fulfilled /fʊlˈfɪld/

 C. buried /ˈber.id/ D. attended /əˈtendid/

→ **Chọn đáp án** D

**Question 21:**

Kiến thức về phát âm

 A. invest /ɪnˈvest/ B. connect /ɪnˈvest/

 C. access /ˈæk.ses/ D. revise /rɪˈvaɪz/

Đáp án D, âm e đọc là /ɪ/, còn lại đọc là /e/

→ **Chọn đáp án** D

**Question 22:**

Kiến thức về từ đồng nghĩa

ostentatious (a): phô trương

A. simple (a): đơn giản

B. honest (a): trung thực

C. deceitful (a): lừa dối

D. showy (a): khoe khoang

→ ostentatious = showy

**Tạm dịch**: Tờ báo xuất bản gần đây đã chỉ trích lối sống phô trương của một số người nổi tiếng sở hữu biệt thự hay xe hơi sang trọng.

→ **Chọn đáp án** D

**Question 23:**

Kiến thức về từ đồng nghĩa

rebel against: nổi loạn, không nghe theo

A. accept (v): chấp nhận

B. refuse(v): từ chối

C. remain (v): còn lại

D. pursue (v): theo đuổi

→ rebel against = refuse

**Tạm dịch**: Jacob không nghe theo kế hoạch của cha mẹ dành cho mình và bỏ học năm 16 tuổi.

→ **Chọn đáp án** B

**Question 24:**

Kiến thức về từ trái nghĩa

plug into turmoil: rơi vào tình trạng hỗn loạn

A. in chaos: hỗn loạn

B. in operation: đang hoạt động

C. in order: theo thứ tự, trật tự

D. in action: hành động

→ plug into turmoil >< in order

**Tạm dịch**: Công ty rơi vào tình trạng hỗn loạn sau khi cuộc trả giá thu mua được công bố.

→ **Chọn đáp án** C

**Question 25:**

Kiến thức về từ trái nghĩa

flamboyant (a): rực rỡ, nổi bật

A. usual (a): bình thường

B. outstanding (a): nổi bật

C. new (a): mới

D. considerable (a): đáng kể

→ flamboyant >< usual

**Tạm dịch**: Phong cách trang trí cửa sổ mới lấy cảm hứng từ nhà hát và nghệ thuật trang trí liên quan đến thiết kế nổi bật và những đám đông lớn.

→ **Chọn đáp án** A

**Question 26:**

Câu gốc: Thật không may, nam diễn viên chính bị ốm. Anh ấy không thể xuất hiện trên sân khấu tối nay.

A. Tôi ước gì nam diễn viên chính không bị ốm và có thể xuất hiện trên sân khấu tối nay. → "can" chưa chia quá khứ nên đáp án này sai

B. Tôi ước gì nam diễn viên chính không bị ốm và có thể xuất hiện trên sân khấu tối nay.

C. Giá mà nam diễn viên chính không bị ốm và có thể xuất hiện trên sân khấu đêm đó. → sai nghĩa

D. Giá mà nam diễn viên chính bị ốm và có thể xuất hiện trên sân khấu đêm nay. → sai nghĩa

→ **Chọn đáp án** B

**Question 27:**

Câu gốc: Đạo văn là xấu. Một số sinh viên vẫn sẵn sàng làm như vậy.

A. Đạo văn không phải là xấu, một số sinh viên sẽ không sẵn sàng làm như vậy. → sai nghĩa

B. Mặc dù đạo văn xấu, một số sinh viên vẫn sẵn sàng làm như vậy.

C. Đạo văn tệ đến mức một số sinh viên vẫn sẵn sàng làm như vậy. → sai nghĩa

D. Tuy việc đạo văn xấu thế nào, nhưng một số sinh viên vẫn sẵn sàng làm như vậy. → đã có however, thì không dùng but.

→ **Chọn đáp án** B

**Question 28:**

Kiến thức về chia động từ

“in 2014” là thời gian trong quá khứ nên động từ phải chia ở thì quá khứ

**Sửa**: helps → helped

**Tạm dịch**: Vào năm 2014, nghiên cứu do Shi Ping Liu và các đồng nghiệp thực hiện đã giúp làm sáng tỏ bí ẩn này.

→ **Chọn đáp án** B

**Question 29:**

Kiến thức về từ vựng

Ta cần một đại từ thay thế cho cụm danh từ “the genetic structure” là danh từ số ít nên “those” không phù hợp

**Sửa**: those → that

**Tạm dịch**: Các nhà khoa học đã so sánh cấu trúc gen của gấu Bắc Cực với cấu trúc gen của họ hàng gần nhất của chúng, gấu nâu.

→ **Chọn đáp án** C

**Question 30:**

Kiến thức về từ vựng

Ta cần phân biệt:

exhausting (a): kiệt sức, mệt mỏi

exhaustive (a): hết mọi khía cạnh, toàn diện

Xét về nghĩa ta thấy “exhausting” không phù hợp

**Sửa**: exhausting → exhaustive

**Tạm dịch**: Kết quả của một nghiên cứu toàn diện về nam tính đã được công bố trong tuần này và chúng giúp bạn đọc hiểu rõ hơn.

→ **Chọn đáp án** A

**Question 31:**

**Kiến thức:** Động từ khuyết thiếu

**Giải thích:**

be required to: được yêu cầu phải làm gì

S + might + V\_infinitive: Ai đó có thể làm gì

S + must + V\_infinitive: Ai đó phải làm gì

S + can’t + V\_infinitive: Ai đó không thể làm gì

S + needn’t + V\_infinitive: Ai đó không cần làm gì

**Tạm dịch:** Mỗi học sinh được yêu cầu viết một bài luận về chủ đề này.

A. Mỗi học sinh có thể viết một bài luận về chủ đề này. => sai nghĩa

B. Mỗi học sinh phải viết một bài luận về chủ đề này.

C. Mọi học sinh không thể viết một bài luận về chủ đề này. => sai nghĩa

D. Mọi học sinh không cần phải viết một bài luận về chủ đề này. => sai nghĩa

→ **Chọn đáp án** B

**Question 32:**

Câu gốc: “Nếu tôi là bạn, tôi sẽ không nghe theo lời khuyên của anh trai anh ấy,” Linda nói với tôi.

A. Linda yêu cầu tôi không nghe theo lời khuyên của anh trai anh ấy. → sai nghĩa

B. Linda khuyên tôi không nên nghe theo lời khuyên của anh trai anh ấy.

C. Linda đề nghị tôi nên nghe theo lời khuyên của anh trai anh ấy. → sai nghĩa

D. Linda khuyến khích tôi nghe theo lời khuyên của anh trai anh ấy. → sai nghĩa

→ **Chọn đáp án** B

**Question 33:**

Câu gốc: Tôi đã không nghe tin từ Susan trong vài tháng.

Ta có: S + have/ has +not+ for + time

= S + last + Ved + time+ ago

= It’s + time+ since + S + last + Ved.

= The last time + S + V ed+ was + time + ago

A. Lần cuối tôi nghe tin từ Susan vài tháng trước. → đúng

B. Susan không nghe tin gì từ tôi vài tháng trước. → sai nghĩa

C. Susan đã nghe tin từ tôi vài tháng trước. → sai nghĩa

D. Tôi đã không nghe tin từ Susan vài tháng trước. → sai nghĩa

→ **Chọn đáp án** A

**DỊCH BÀI**

Từ 'ông bà' mô tả vai trò nuôi dạy con cái kép đặc biệt mà thế hệ này đảm nhận. Nó nhấn mạnh phần quan trọng mà họ có trong cuộc sống gia đình. Với vô số kinh nghiệm đúc kết từ ngày xưa, và với khả năng biến hóa độc đáo từ cố vấn hoặc người hòa giải thành người lắng nghe hoặc bạn bè, họ có thể cung cấp sự hỗ trợ và ổn định trong một thế giới luôn thay đổi. Ý thức trách nhiệm cơ bản đi cùng với điều này là rất lớn.

Ông bà thực hiện một vai trò cân bằng giữa nhu cầu của con cái trưởng thành và nhu cầu của cháu mình. Vai trò này rất đa dạng. Đôi khi thể hiện sự quyền lực, nhưng những lúc khác lại chọn cách không lên tiếng. Vai trò này xuất hiện bất cứ khi nào được yêu cầu, nhưng nó chắc chắn và hoàn toàn đáng tin cậy. Ông bà thường thu hẹp khoảng cách giữa cha mẹ và con cái. Những đứa trẻ nổi loạn, độc lập, đang cố gắng tìm kiếm chỗ đứng cho mình hầu như luôn luôn mâu thuẫn với cha mẹ. Vai trò của ông bà có thể rất quan trọng với điều kiện họ đóng vai trò như những thẩm phán công bằng và có thể truyền đạt cảm giác này cho cả hai bên. Một điều quan trọng mà dường như không có trong cuộc sống của trẻ em ngày nay, đó là ý thức về gia đình, các giá trị, niềm tin và nguyên tắc. Đây là nơi mà ông bà ta bước vào. Tuy nhiên, việc thấm nhuần niềm tin và giá trị không dễ dàng như cách đây năm mươi hay sáu mươi năm

**Question 34:**

Kiến thức về từ vựng

A. health (n): sức khoẻ

B. significance (n): sự quan trọng

C. wealth (n): sự giàu có

D. value (n): giá trị

Ta có: A wealth of sth: có rất nhiều thứ gì đó

Thông tin: With a wealth of old world experience behind them, and with the unique ability to metamorphose from advisers or mediators into listeners or friends, they can offer support and stability in an ever-changing world.

**Tạm dịch**: Với vô số kinh nghiệm đúc kết từ ngày xưa và với khả năng biến hóa độc đáo từ cố vấn hoặc người hòa giải thành người lắng nghe hoặc bạn bè, họ có thể cung cấp sự hỗ trợ và ổn định trong một thế giới luôn thay đổi.

→ **Chọn đáp án** C

**Question 35:**

Kiến thức về mệnh đề quan hệ

Ta cần một mệnh đề quan hệ thay thế cho cụm danh từ “The underlying sense of responsibility” nên ta dùng “that”

Thông tin: The underlying sense of responsibility that goes with this is tremendous.

**Tạm dịch**: Ý thức trách nhiệm cơ bản đi cùng với điều này là rất lớn.

→ **Chọn đáp án** B

**Question 36:**

Kiến thức về lượng từ

A. few + N số nhiều: một vài

B. none: không cái nào

C. others: những cái khác

D. much + N không đếm được: nhiều

Thông tin: Grandparents perform a balancing act between the needs of their adult children and those of their grandchildren. This role is varied. It is imperial at times, muted at others.

**Tạm dịch**: Ông bà thực hiện đóng vai trò cân bằng giữa nhu cầu của con cái trưởng thành và nhu cầu của cháu mình. Vai trò này rất đa dạng. Đôi khi thể hiện sự quyền lực, nhưng những lúc khác lại chọn cách không lên tiếng.

→ **Chọn đáp án** C

**Question 37:**

Kiến thức về từ vựng

A. leave (v): rời

B. widen (v): mở rộng

C. bridge (v): lấp, bắc cầu

D. achieve (v): đạt được

Ta có cụm: bridge a (the) gap: thu hẹp khoảng cách

Thông tin: Grandparents often bridge the gap between parents and children.

**Tạm dịch**: Ông bà thường thu hẹp khoảng cách giữa cha mẹ và con cái.

→ **Chọn đáp án** C

**Question 38:**

Kiến thức về liên từ

A. Therefore: do đó

B. Additionally: ngoài ra, thêm vào

đóC. However: tuy nhiên

D. For example: ví dụ

Xét về nghĩa ta thấy đáp án C phù hợp

Thông tin: This is where the grandparents step in. However, instilling beliefs and values is not as easy as it was fifty or sixty years ago.

**Tạm dịch**: Đây là nơi mà ông bà bước vào. Tuy nhiên, việc thấm nhuần niềm tin và giá trị không dễ dàng như cách đây năm mươi hay sáu mươi năm.

→ **Chọn đáp án** C

**DỊCH BÀI**

Tất cả chúng ta đều phải đối mặt với những vấn đề khó khăn một cách thường xuyên. Trên thực tế, đôi khi bạn có thể cảm thấy như bị đè bẹp bởi sức nặng của những vấn đề của mình. Nhưng có bao nhiêu người trong chúng ta sử dụng các kỹ thuật giải quyết vấn đề sáng tạo đặc biệt để giải quyết những vấn đề này? "Tôi không biết có những kỹ thuật đặc biệt," bạn nói. Bạn có tin không, nhiều chuyên gia đã suy nghĩ rất nhiều cho vấn đề giải quyết vấn đề.

Bước đầu tiên rõ ràng để giải quyết một vấn đề là đưa ra các giải pháp khả thi, phải không? Một số chuyên gia nói rằng điều đầu tiên bạn nên làm là xác định vấn đề một cách chi tiết, ngay cả khi nó có vẻ hiển nhiên. Viết vấn đề ra một tờ giấy và bắt đầu tự đặt câu hỏi cho bản thân: Tại sao đây là vấn đề đối với tôi? Nguồn gốc của vấn đề là gì? Điều gì sẽ xảy ra nếu tôi không giải quyết được vấn đề? Tôi thực sự muốn đạt được điều gì? Tiếp tục đặt câu hỏi cho đến khi không còn gì để hỏi.

Khi bạn đã đặt những câu hỏi này và trả lời chúng, các giải pháp tiềm năng có thể bắt đầu xuất hiện nhiều. Hoặc lúc chúng có thể không xuất hiện. Nếu bạn vẫn gặp khó khăn, một số chuyên gia khuyên bạn nên đi dạo. Đúng vậy - bạn nên tránh xa vấn đề theo đúng nghĩa đen. Việc thay đổi khung cảnh có thể truyền cảm hứng cho những ý tưởng mới, và việc không tập trung vào vấn đề thực sự có thể giúp bạn mở ra những khả năng mới.

Nếu bạn vẫn ra về tay không vào thời điểm này, bạn có thể thử một kỹ thuật bất thường mà một số chuyên gia khuyên dùng. Mở từ điển hoặc bất kỳ cuốn sách hoặc tạp chí nào và chọn từ đầu tiên bạn nhìn thấy. Viết ra bất cứ điều gì mà từ đó khiến bạn nghĩ đến. Sau đó nhìn lại vấn đề của bạn. Điều gì đó mà bạn đã viết ra có thể thay đổi quan điểm của bạn và giúp bạn nhìn nhận vấn đề theo một khía cạnh khác

**Question 39:**

Đâu là tiêu đề phù hợp nhất cho đoạn văn?

A. Vấn đề của việc giải quyết vấn đề.

B. Đối với mọi giải pháp, đều có một vấn đề.

C. Nhìn nhận vấn đề theo một cách khác.

D. Đi bộ và nói chuyện để sửa chữa nó.

**Căn cứ vào đoạn văn đầu thể hiện ý chính của đoạn văn:**

We're all faced with difficult problems on a regular basis. In fact, sometimes you might feel like you'll be crushed by the weight of your problems. But how many of us use special creative problem-solving techniques to tackle these problems? "I didn't know there were special techniques," you say. Believe it or not, many experts have given a lot of thought to the problem of problem solving.

(Tất cả chúng ta đều phải đối mặt với những vấn đề khó khăn một cách thường xuyên. Trên thực tế, đôi khi bạn có thể cảm thấy như bị đè bẹp bởi sức nặng của những vấn đề của mình. Nhưng có bao nhiêu người trong chúng ta sử dụng các kỹ thuật giải quyết vấn đề sáng tạo đặc biệt để giải quyết những vấn đề này? "Tôi không biết có những kỹ thuật đặc biệt," bạn nói. Bạn có tin không, nhiều chuyên gia đã suy nghĩ rất nhiều cho vấn đề của việc giải quyết vấn đề.)

→ **Chọn đáp án** A

**Question 40:**

Cụm từ “**churn out**” trong đoạn 2 gần nghĩa nhất với \_\_\_\_\_\_\_\_\_

 A. nhắc nhở B. phục hồi C. sản xuất D. địa chỉ

→ churn out: tạo ra = produce

→ **Chọn đáp án** C

**Question 41:**

Theo đoạn 2, điều gì nói lên bản chất của việc giải quyết vấn đề?

A. Bạn nên hiểu một vài chi tiết về vấn đề của mình.

B. Làm rõ vấn đề là một bước hiển nhiên và do đó không cần thiết.

C. Đặt câu hỏi khác về vấn đề cụ thể có thể là một cơ chế hữu ích.

D. Bạn nên luôn viết ra vấn đề của mình trên một tờ giấy.

**Căn cứ vào thông tin:**

Write the problem down on a piece of paper and start asking yourself questions about it: Why is this a problem for me? What is the source of the problem? What will happen if I don't solve the problem? What do I really want to accomplish? Keep asking questions until the well has run dry.

(Viết vấn đề ra một tờ giấy và bắt đầu tự đặt câu hỏi cho bản thân: Tại sao đây là vấn đề đối với tôi? Nguồn gốc của vấn đề là gì? Điều gì sẽ xảy ra nếu tôi không giải quyết được vấn đề? Tôi thực sự muốn đạt được điều gì? Tiếp tục đặt câu hỏi cho đến khi không còn gì nữa.)

→ **Chọn đáp án** C

**Question 42:**

Từ "**they**" trong đoạn 4 đề cập đến \_\_\_\_\_\_\_\_\_

 A. vấn đề B. giải pháp C. chuyên gia D. khả năng

**Căn cứ vào ngữ nghĩa của câu**:

Once you've asked these questions and answered them, potential solutions may start popping up like popcorn. Or they may not. If you're still stuck, some experts recommend going for a walk.

(Khi bạn đã đặt những câu hỏi này và trả lời chúng, các giải pháp tiềm năng có thể bắt đầu xuất hiện nhiều. Hoặc chúng cũng có thể không xuất hiện. Nếu bạn vẫn gặp khó khăn, một số chuyên gia khuyên bạn nên đi dạo.)

→ they = solution

→ **Chọn đáp án** B

**Question 43:**

Điều nào sau đây KHÔNG đúng trong đoạn văn?

A. Đi dạo có thể giúp bạn tìm ra những cách mới để giải quyết vấn đề.

B. Hầu như mọi người đều nghĩ đến các kỹ thuật giải quyết vấn đề khi đối mặt với một vấn đề.

C. Mọi người đôi khi không thể đưa ra giải pháp cho một vấn đề mặc dù họ cố gắng phân tích nó.

D. Như đã đề xuất, đôi khi mọi người phải thử những cách mới để giải quyết một vấn đề.

**Căn cứ vào thông tin đoạn một:**

We're all faced with difficult problems on a regular basis. In fact, sometimes you might feel like you'll be crushed by the weight of your problems. But how many of us use special creative problem-solving techniques to tackle these problems? "I didn't know there were special techniques," you say. Believe it or not, many experts have given a lot of thought to the problem of problem solving.

(Tất cả chúng ta đều phải đối mặt với những vấn đề khó khăn một cách thường xuyên. Trên thực tế, đôi khi bạn có thể cảm thấy như bị đè bẹp bởi sức nặng của những vấn đề của mình. Nhưng có bao nhiêu người trong chúng ta sử dụng các kỹ thuật giải quyết vấn đề sáng tạo đặc biệt để giải quyết những vấn đề này? "Tôi không biết có những kỹ thuật đặc biệt," bạn nói. Bạn có tin không, nhiều chuyên gia đã suy nghĩ rất nhiều cho vấn đề của việc giải quyết vấn đề.)

- B không được đề cập

- A đúng vì “If you're still stuck, some experts recommend going for a walk. That's right-you should literally walk away from the problem.” – “Nếu cảm thấy bế tắc, 1 số chuyên gia khuyên rằng ban nên đi dạo. Đúng là thế - đi dạo với nghĩa đen, để lòng này nhẹ bớt.”

- C đúng vì “Once you've asked these questions and answered them, potential solutions may start popping up like popcorn. Or they may not.” – “Một khi bạn đã đặt ra những câu hỏi như vậy và trả lời chúng, những giải pháp tiềm năng có thể bắt đầu nở ra, giống như bắp rang bơ vậy. Hoặc có thể những giải pháp này không xuất hiện.”

- D đúng vì “If you still come up empty-handed at this point, you might try an unusual technique that some experts recommend.” – “Nếu đến bước này rồi mà vẫn chẳng nghỉ ra nổi giải pháp nào, thì sẽ thử 1 phương pháp mới lạ mà các chuyên gia khuyến nghị xem sao.”

→ **Chọn đáp án** B

**DỊCH BÀI**

Một hàng cây ngập mặn nhô ra khỏi cát, lộ ra khi thủy triều xuống ngoài khơi đảo Kutubdia ở Vịnh Bengal, là tất cả những gì còn lại của một ngôi làng ven biển mà trong nhiều thế hệ là nơi sinh sống của 250 gia đình. Dân làng buộc phải chạy trốn khi đất đai của họ, vốn bị xói mòn dần trong nhiều thập kỷ, cuối cùng đã bị nhấn chìm bởi thủy triều dâng cao cách đây 5 năm. Đối với những ai bị mắc kẹt, những cái cây phía xa như một lời nhắc nhở về những gì họ đã mất. Chúng cũng như một lời cảnh báo về những gì sắp xảy ra.

Các nhà khoa học Liên Hợp Quốc dự đoán một số tác động tồi tệ nhất của biến đổi khí hậu sẽ xảy ra ở Đông Nam Á và hơn 25 triệu người ở Bangladesh sẽ gặp rủi ro do nước biển dâng vào năm 2050. Ai cũng biết rằng nhiều quốc gia dễ bị tổn thương nhất đối với biến đổi khí hậu là một trong những quốc gia đóng góp ít nhất vào vấn đề đó, và ở đây điều đó chắc chắn đúng. Lượng khí thải carbon của 100.000 cư dân trên đảo Kutubdia là nhỏ - hầu hết thậm chí không được tiếp cận với nguồn cung cấp điện thường xuyên. Nhưng họ sợ rằng đối với họ, thời gian đã không còn nhiều nữa.

Cho đến nay, các người dân của cộng đồng ngư dân Ali Akbar Dail, sống bấp bênh trên dải bờ biển cạnh bờ kè, đã học cách thích nghi với nhiều thảm họa thiên nhiên ập đến với họ. Khi lốc xoáy ập đến, họ nâng con mình lên vai và chạy về hướng mạng lưới trú ẩn của lốc xoáy. Những nơi trú ẩn này, cùng với hệ thống cảnh báo sớm của đất nước, đã giảm đáng kể số người tử vong. Tuy nhiên, họ nói rằng cứ sau một năm lại càng có nhiều cơn bão mạnh hơn trước, các ngư dân đang tham gia vào cuộc chiến sinh tồn với tài sản duy nhất của họ: đại dương.

Các nhà khoa học cho biết, việc các đảo ở Vịnh Bengal bị chìm là do biến đổi khí hậu tự nhiên và có thể do con người tạo ra. Ví dụ, xói mòn liên quan đến nước dâng do bão có trước khi trái đất nóng lên. Nhưng nhiệt độ bề mặt nước biển, liên quan đến mực nước biển dâng, đã tăng lên ở Vịnh Bengal. Trong một báo cáo được công bố vào tháng trước, các nhà khoa học cho biết họ tin rằng nhiệt độ bề mặt cao hơn ở Ấn Độ Dương đang khiến các cơn lốc xoáy gia tăng tần suất và cường độ.

Có quá nhiều thách thức. Những người dân chài đang dần mất đi mảnh đất của tổ tiên để lại, và họ phải di cư tới những nơi ở khác. Ở đó, họ phải thích ứng với môi trường mới. Nhưng cũng chính tại nơi đây, họ vẫn lo lắng và chẳng biết tương lai sẽ đi đâu, về đâu.

**Question 44:**

Đâu là tiêu đề phù hợp nhất cho đoạn văn?

A. Những thách thức đối với biến đổi khí hậu ở Châu Á.

B. Những làng chài biến mất của Băng-la-đét.

C. Làm thế nào để thích ứng với thiên tai?

D. Một tương lai không thể đoán trước đang chờ đợi.

Đoạn văn đề cập đến sự biến mất của các làng chài ở bangladesh nên đáp án B phù hợp

Các đáp án khác chỉ là ý nhỏ trong bài hỗ trợ ý chính

→ **Chọn đáp án** B

**Question 45:**

Từ “**embattled**” trong đoạn 1 chủ yếu có nghĩa là \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

A. bối rối bởi những gì đã xảy ra

B. bao quanh bởi những rắc rối

C. bi quan về tương lai

D. tức giận trước nguy hiểm

→ embattle: bao quanh bởi những khó khăn, thách thức = surrounded by troubles

→ **Chọn đáp án** B

**Question 46:**

Theo đoạn 2, điều gì được nêu về tác động của biến đổi khí hậu?

A. Mực nước biển dâng cao sẽ dẫn đến cái chết của 25 triệu công dân Bangladesh vào năm 2050.

B. Biến đổi khí hậu có thể biến hòn đảo nhỏ Kutubdia thành một ngôi làng nghèo.

C. Các quốc gia chịu trách nhiệm ít nhất về biến đổi khí hậu có thể bị ảnh hưởng nhiều nhất.

D. Tác động xấu nhất của biến đổi khí hậu sẽ chỉ xảy ra ở Đông Nam Á.

**Căn cứ vào thông tin:**

It is well known that many of the countries most vulnerable to climate change are among those who contribute to it the least, and here that’s certainly true.

(Ai cũng biết rằng nhiều quốc gia dễ bị tổn thương nhất bởi biến đổi khí hậu nằm trong số những quốc gia đóng góp ít nhất vào nó, và điều này chắc chắn đúng.)

→ **Chọn đáp án** C

**Question 47:**

Từ “**they**” trong đoạn 2 đề cập đến \_\_\_\_\_\_\_\_

A. dân làng Kutubdia

B. các nhà khoa học của Liên hợp quốc

C. Công dân Bangladesh

D. các cộng đồng đánh cá gần đó

**Căn cứ vào nghĩa của câu:**

The carbon footprint of Kutubdia’s 100,000 islanders is small - most do not even have access to a regular electricity supply. But they fear that for them, time is already running out.

(Lượng khí thải carbon của 100.000 cư dân trên đảo Kutubdia là nhỏ - hầu hết thậm chí không được tiếp cận với nguồn điện thường xuyên. Nhưng họ sợ rằng đối với họ, thời gian đã không còn nhiều.)

→ they = the villagers of Kutubdia

→ **Chọn đáp án** A

**Question 48:**

Từ “**precariously**” trong đoạn 3 gần nghĩa nhất với \_\_\_\_\_\_\_\_

A. đều đặn B. nguy hiểm C. hòa bình D. bất lợi

→ precariously: một cách không chắc, bấp bênh = dangerously

→ **Chọn đáp án** B

**Question 49:**

Điều nào sau đây là đúng, theo đoạn văn?

A. Thủy triều ở đại dương Bangladesh trong 5 năm qua đã dâng cao hơn bao giờ hết.

B. Những cây còn lại trong làng Kutubdia không được những người dân còn sinh sống ở đó coi trọng.

C. Các người dân của một làng chài đã phải vật lộn để chống chọi với những đợt thiên tai.

D. Các nhà khoa học cho rằng thiên tai ngày càng gia tăng do sự can thiệp của con người.

**Căn cứ vào thông tin:**

A row of mangrove trees sticking out of the sand, exposed by low tide off Kutubdia island in the Bay of Bengal, is all that remains of a coastal village that for generations was home to 250 families. The villagers were forced to flee as their land, which had been slowly eroding for decades, was finally engulfed by the ever-rising tide five years ago.

(Một hàng cây ngập mặn nhô ra khỏi cát, lộ ra khi thủy triều xuống ngoài khơi đảo Kutubdia ở Vịnh Bengal, là tất cả những gì còn lại của một ngôi làng ven biển mà trong nhiều thế hệ là nơi sinh sống của 250 gia đình. Dân làng buộc phải chạy trốn khi đất đai của họ, vốn bị xói mòn dần trong nhiều thập kỷ, cuối cùng đã bị nhấn chìm bởi thủy triều dâng cao cách đây 5 năm.)

So far, members of the fishing community of Ali Akbar Dail, perched precariously on a strip of coast next to the embankment, have learnt to adapt to the many natural disasters thrown at them. When the cyclones hit, they hoist their children on to their shoulders and head for the network of cyclone shelters. These shelters, along with the country’s early warning system, have dramatically reduced fatalities. However, after a year that they say has brought more - and more powerful -storms than before, the fishermen are engaged in a battle for survival against their only asset: the ocean.

(Cho đến nay, các người dân của cộng đồng ngư dân Ali Akbar Dail, sống bấp bênh trên dải bờ biển cạnh bờ kè, đã học cách thích nghi với nhiều thảm họa thiên nhiên ập đến với họ. Khi lốc xoáy ập đến, họ nâng con mình lên vai và hướng về mạng lưới trú ẩn của lốc xoáy. Những nơi trú ẩn này, cùng với hệ thống cảnh báo sớm của đất nước, đã giảm đáng kể số người tử vong. Tuy nhiên, họ nói rằng cứ sau một năm lại càng có nhiều cơn bão mạnh hơn trước, các ngư dân đang tham gia vào cuộc chiến sinh tồn với tài sản duy nhất của họ: đại dương.)

A sai vì trong bài chỉ nói “The villagers were forced to flee as their land, which had been slowly eroding for decades, was finally engulfed by the ever-rising tide five years ago.” – “Những người dân làng buộc phải di rời mảnh đất của mình, mảnh đất đã dần dần lụi tàn theo từng thấp kỉ rồi cuối cùng cũng bị nhấn chìm bởi cơn sóng cứ cao mãi, cao mãi 5 năm về trước.”

B sai vì “For the embattled people, the distant trees serve as a bittersweet reminder of what they have lost. They also act as a warning of what is to come.” – “Đối với những ngư dân luôn trong khổ cực, những cái cây đằng xa kia như một lời nhắc nhớ ngọt bùi đắng cay về những gì họ đã mất. Chúng cũng là lời cảnh báo cho những gì sắp xảy tới.”

D sai vì “Scientists say the sinking of islands in the Bay in Bengal is due to natural and possibly man-made climate change.” – “Các nhà khoa học cho rằng việc những hòn đảo tại vịnh Bengal đang dần chìm xuống là do biến đổi khí hậu tự nhiên và cũng có thể là do con người tạo nên”.

Các nhà khoa học chỉ đang đưa ra suy đoán rằng con người có thể đóng 1 phần nhỏ trong quá trình đó, chứ ta chưa thể khẳng định việc con người can thiệp vào có làm nghiêm trọng các thảm họa tự nhiên hay không.

→ **Chọn đáp án** C

**Question 50:**

Điều nào sau đây có thể được suy ra từ đoạn văn?

A. Tác động của biến đổi khí hậu có thể là thảm họa đối với nền kinh tế của Băng-la-đét.

B. Các thành viên của cộng đồng đã được hỗ trợ quản lý và thích ứng với thiên tai.

C. Khí hậu của Băng-la-đét có đặc trưng bởi những thời kỳ có lượng mưa lớn.

D. Một số người ở Băng-la-đét từ chối di cư đến các vùng khác vì tôn trọng đất tổ của họ.

**Căn cứ vào thông tin:**

So far, members of the fishing community of Ali Akbar Dail, perched precariously on a strip of coast next to the embankment, have learnt to adapt to the many natural disasters thrown at them. When the cyclones hit, they hoist their children on to their shoulders and head for the network of cyclone shelters. These shelters, along with the country’s early warning system, have dramatically reduced fatalities. However, after a year that they say has brought more - and more powerful -storms than before, the fishermen are engaged in a battle for survival against their only asset: the ocean.

(Cho đến nay, các người dân của cộng đồng ngư dân Ali Akbar Dail, sống bấp bênh trên dải bờ biển cạnh bờ kè, đã học cách thích nghi với nhiều thảm họa thiên nhiên ập đến với họ. Khi lốc xoáy ập đến, họ nâng con mình lên vai và hướng về mạng lưới trú ẩn của lốc xoáy. Những nơi trú ẩn này, cùng với hệ thống cảnh báo sớm của đất nước, đã giảm đáng kể số người tử vong. Tuy nhiên, sau một năm mà họ nói là đã mang lại nhiều - và nhiều cơn bão mạnh hơn trước, các ngư dân đang tham gia vào cuộc chiến sinh tồn với tài sản duy nhất của họ: đại dương.)

A, C không được đề cập tới đoạn văn

D sai vì trong bài chỉ nói “People are losing their ancestral land, and they are having to migrate to other places. There, they have to adapt to a new environment. But in their new home, they are still anxious and uncertain about the future. “– “Những người dân chài đang dần mất đi mảnh đất của tổ tiên để lại, và họ phải di cư tới những nơi ở khác. Ở đó, họ phải thích ứng với môi trường mới. Nhưng cũng chính tại nơi đây, họ vẫn lo lắng và chẳng biết tương lai sẽ đi đâu, về đâu.

→ **Chọn đáp án** B